

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành
chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục các thủ tục hành chính được sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, các Cục trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPCP (Cục KSTTHC);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công TTĐT Bộ XD;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Việt Hùng

**DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT THUỘC PHẠM
VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

I – Lĩnh vực Đường bộ

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
I. Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC từ “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”, từ “Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”		
1	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ
2	1.013276	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc
II. Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC từ “Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”		
1	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ
2	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi
3	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng
4	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định
5	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải
6	2.001034	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam
7	1.002357	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
8	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
9	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
10	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
11	1.000672	Công bố lại bến xe khách
12	1.002381	Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam
13	1.002374	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc
14	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc
15	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia
16	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia
17	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
18	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
19	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
20	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
21	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới
22	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
23	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
24	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái
25	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
26	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái
27	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo
28	2.000769	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)
29	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
30	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác
31	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác
32	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác
33	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS
34	1.005024	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô
35	1.005021	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô

II – Lĩnh vực Hàng không

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC từ “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”		
1	1.002890	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng
2	1.002886	Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
3	1.001369	Mở cảng hàng không, sân bay
4	1.009436	Thủ tục chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế
5	1.000423	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung
6	1.000312	Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung
7	1.004682	Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không
8	1.004674	Cấp lại giấy phép kinh doanh cảng hàng không
9	1.009437	Thủ tục phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay hiện có

III – Lĩnh vực Đường sắt

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC từ “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”		
1	1.004691	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt

IV – Lĩnh vực Đăng kiểm

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC từ “Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh Thành phố Hồ Chí Minh”		
1	1.005091	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa
2	1.001284	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
3	1.001131	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu
4	1 001322	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
5	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
6	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy
7	1.013110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

V – Lĩnh vực khác (Giao thông vận tải)

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
I. Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC từ “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”		
1	1.005042	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế
2	1.005038	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế
II. Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC từ “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”, từ “Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”, từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” thành “Cục Đường bộ Việt Nam”		
1	1.005027	Đề nghị cấp giấy phép cho lực lượng, phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam
2	1.005032	Gia hạn thời hạn giấy phép cho lực lượng, phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam

VI – Lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
1.	2.001580	Tàu biển đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử			X		
2.	1.001899	Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển		X	X		
3.	1.002228	Thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	X	X			
4.	1.002283	Gia hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	X	X			
5.	1.004162	Công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng đối với trường hợp luồng hàng hải công bố sau thời điểm công bố mở cảng biển hoặc luồng hàng hải		X			

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
		được đầu tư mới, công bố lại do điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp					
6.	1.004147	Công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước		X			
7.	1.004134	Đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời		X			
8.	1.003265	Chấp thuận thực hiện sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền hoặc thực hiện các hoạt động hàng hải khác trong vùng nước cảng biển nếu có ảnh hưởng đến phương án phòng, chống cháy, nổ			X		
9.	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	X	X	X		X
10.	1.002763	Chấp thuận đặt tên tàu biển		X	X		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
11.	2.000519	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển		x			
12.	1.001084	Thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển			x		
13.	1.001099	Cấp giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển		x			
14.	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải			x		
15.	1,004293	Chấp thuận tiến hành tháo bỏ niêm phong hoặc việc bơm thải các chất thải, nước bẩn qua những van hoặc thiết bị của tàu thuyền			x		
16.	2.000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo			x		x

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
17.	1.001845	Trả lời sự phù hợp quy hoạch cảng cạn		x			
18.	1.004284	Công bố mở cảng cạn và công bố mở cảng cạn đối với điểm thông quan hàng hóa đã được phê duyệt chủ trương chuyển đổi thành cảng cạn	x	x			
19.	1.004280	Tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn		x			
20.	1.001870	Thủ tục đổi tên cảng cạn		x			
21.	1.001857	Chuyển đổi điểm thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu thành cảng cạn	x	x			
22.	1.002687	Đăng ký tàu biển không thời hạn (bao gồm cả tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động		x	x	x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
23.	1.002674	Đăng ký tàu biển có thời hạn (bao gồm cả tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động)		X	X	X	
24.	1.002645	Đăng ký tàu biển tạm thời (bao gồm cả tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động)		X	X	X	
25.	1.002578	Đăng ký tàu biển đang đóng (bao gồm cả tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động)		X	X	X	
26.	1.002550	Đăng ký tàu biển loại nhỏ (bao gồm cả tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động)		X	X	X	
27.	1.002582	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (bao gồm cả tàu công vụ, tàu		X	X	X	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
		ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động)					
28.	1.002508	Xóa đăng ký (bao gồm cả tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động)		x	x	x	
29.	1.000274	Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (bao gồm cả tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động)		x	x	x	
30.	1.002345	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải		x			
31.	1.002326	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải		x			

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
32.	1.000289	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải		X			
33.	1.000284	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải		X			
34.	1.000279	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đối với hoa tiêu hàng hải chuyển vùng hoạt động; hoa tiêu hàng hải dẫn tàu trên tuyến mới trong vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải		X			
35.	1.002490	Giao tuyến dẫn tàu	X	X			
36.	1.002788	Đăng ký và cấp Sổ thuyền viên		X	X	X	
37.	1.002728	Cấp lại Sổ thuyền viên		X	X	X	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
38.	1.002472	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên Việt Nam đã có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp		X			
39.	1.002460	Cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn		X	X	X	
40.	1.002448	Cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận		X	X	X	
41.	1.002441	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính		X	X	X	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
42.	1.002420	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy Chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính		X	X	X	
43.	1.002408	Mở khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng		X			
44.	1.000469	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu 2001 (BCC)		X	X	X	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
45.	1.000536	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại ô nhiễm dầu (CLC 1992)		X	X	X	
46.	1.001810	Cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải Phần I		X			
47.	1.001810	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển		X			
48.	1.001830	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển		X			
49.	1.004825	Cấp Giấy phép vận tải nội địa cho tàu nước ngoài	X	X	X		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
50.	1.004828	Cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải				x	
51.	1.0045115	Cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải				x	
52.	1.004850	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải		x			
53.	1.0074843	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải		x			
54.	1.0007949	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động		x			

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
55.	2.000940	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động		x			
56.	1.000378	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	x	x			
57.	2.00892	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển			x		
58.	2.002265	Nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ					
59.	2.002623	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải, đường thủy nội địa quốc gia	x				
60.	1.001223	Cấp giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	x				
61.	1.000188	Chấp thuận hoạt động khảo sát, thăm dò, xây dựng công trình, thiết lập	x				

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
		vành đai an toàn của công trình hoặc các hoạt động khác trên tuyến hàng hải trong lãnh hải Việt Nam					
62.	1.00344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa		X		X	X
63.	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn		X			X
64.	2.001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		X		X	X
65.	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		X		X	X

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
66.	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		X		X	X
67.	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		X		X	X
68.	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật		X		X	X
69.	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa		X		X	X

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
70.	1.004047	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên ĐTNĐ		X		X	X
71.	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên ĐTNĐ		X		X	X
72.	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	X	X			X
73.	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới		X			X
74.	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới		X			X
75.	2.001998	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ		X			X

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
		đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa					
76.	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa		X			X
77.	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác		X		X	X
78.	1.009442	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa		X			X
79.	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	X	X			X

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
80.	1.009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	x	x			x
81.	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	x	x			x
82.	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	x	x			x
83.	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	x	x			x
84.	1.009448	Thiết lập khu neo đậu		x			x
85.	1.009449	Công bố hoạt động khu neo đậu		x			x

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
86.	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu		X			X
87.	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		X			X
88.	1.009459	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	X	X			X
89.	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng		X		X	X
90.	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	X	X			X
91.	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa		X		X	X

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
92.	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông		X	X	X	X
93.	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	X	X			X
94.	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	X	X			X
95.	1.009463	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	X	X		X	X
96.	1.003570	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		X	X		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
97.	1.003592	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ			X		
98.	1.003614	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ			X		
99.	1.003640	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia			X		
100.	1.004239	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		X	X		
101.	1.004137	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		X	X		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
102.	1.009451	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa				X	X
103.	1.005040	Xác nhận trình báo ĐTNĐ hoặc trình báo ĐTNĐ bổ sung			X		
104.	1.009440	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam			X		
105.	1.009441	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam			X		
106.	1.009457	Công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại	X				

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Sửa đổi Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC				
			“Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”	“Cục Hàng hải Việt Nam” hoặc “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” thành “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam”	“Cảng vụ hàng hải” hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa thành “Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ đường thủy nội địa”	“Chi cục Hàng hải” hoặc “Chi cục đường thủy nội địa” thành “Chi cục Hàng hải và Đường thủy”	“Sở Giao thông vận tải” thành “Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh”
		cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động					
107.	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến ĐTNĐ, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải			X	X	X